

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2018/HS-ST

Ngày: 16-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hán

Bà Nguyễn Thúy Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tưởng Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 421/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 618/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

PHẠM THỊ L, sinh ngày 07/4/19XX tại Hà Nội; ĐKKHKT: Số nhà Y, DX, tập thể N P, phường Đ G, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ G, xã Đ L, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (đã mất) và bà Chu Thị N; có chồng Dương Hoài A (đã mất) và 01 con sinh năm 1995; tiền án: Bản án số: 166/HSST/2002 ngày 04/6/2002 TAND thành phố Hải Phòng xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 58/2018/HSST ngày 14/9/2018 TAND huyện Quốc Oai, TP Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Bị cáo ra đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2018, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà **Nguyễn Thị Kim Dung** - Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Anh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Bị hại:**

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: Thôn N T, xã P K, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, có mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: Thôn N T, xã P K, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, có mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị Thu H4**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: Khu Y, xã Y M, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

4. Chị **Cần Huyền T**, sinh năm 19XX; nơi cư trú: Thôn Y, xã C S, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị L sinh năm 19XX, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà Y, DX, tập thể N P, phường Đ G, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; ở tại thôn Đ G, xã Đ L, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, là đối tượng không nghề nghiệp. Khoảng cuối năm 2011, L sang Trung Quốc làm nghề gội đầu, Massage. Thời gian ở Trung Quốc, L thấy việc tổ chức hoạt động mại dâm thu được nhiều tiền nên khoảng đầu tháng 4/2012, L về Việt Nam bàn bạc với các đối tượng là Phạm Văn D, Nguyễn Văn Q (cùng trú tại thôn Đ G, xã Đ L, thị xã Sơn Tây, Hà Nội) cùng Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Đức C (cùng trú tại thôn Đ S, xã T N, huyện Quốc Oai, Hà Nội) tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán cho L để tổ chức bán dâm. C đồng ý và gặp Nguyễn Thị H2 (sinh năm 19XX, trú tại thôn C Q 2, thị trấn L Q, huyện Thạch Thất, Hà Nội), nhờ H2 tìm phụ nữ để đưa sang Trung

Quốc thì sẽ được trả công 10.000.000 đồng/01 người, H đồng ý.

Ngày 08/4/2012, chị Nguyễn Thị H (sinh năm 19XX, trú tại N T, xã P K, huyện Thạch Thất, Hà Nội) và chị Cần Huyền Tr (sinh năm 19XX, trú tại thôn Y, xã C S, huyện Thạch Thất, Hà Nội) đến nhà trọ của Nguyễn Thị H2 ở xã H B, huyện T T, Hà Nội chơi. H2 thấy chị H và chị Tr còn ít tuổi nên đã nảy sinh ý định lừa bán chị Tr và chị H cho C để đưa sang Trung Quốc. H2 hỏi chị Tr, chị H “Có muốn đi làm không?” Cả hai đều muốn đi làm nên hỏi lại “Đi làm ở đâu” thì H2 nói dối là đi bán quần áo cho bà chị của H2 ở bên Trung Quốc; mức lương từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 tháng. Chị Tr và chị H đồng ý và ở lại nhà trọ của H2. Thấy chị H và chị Tr đồng ý, H2 gọi điện báo cho C về việc đã tìm được 02 người phụ nữ để bán. C thông báo lại cho Phạm Thị L biết, rồi hẹn H2 dẫn chị H và chị Tr đến quán cà phê ở gần cổng Bệnh viện Quân y 105, thị xã Sơn Tây cho L xem mặt. Sau khi gặp mặt chị Tr và chị H, L thấy cả hai còn trẻ nên đồng ý mua và cùng C, T, Q và D dẫn H2, chị Tr và chị H đến thuê nhà nghỉ ở gần nhà L tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Tại nhà nghỉ, L bảo với H2 tìm thêm 01-02 người phụ nữ nữa để đưa đi luôn một thể. H2 đồng ý và tạm đưa chị Tr, chị H quay trở về nhà trọ của mình. Sáng ngày 09/4/2012, H2 dẫn chị Tr và chị H đến nhà của L tại xã Đ L, thị xã Sơn Tây thì được C cùng L ra đón và đưa H2 cùng chị Tr, chị H vào quán cà phê gần đó ngồi nói chuyện. Trong lúc chị Tr và chị H đi ra ngoài thì L nói trả công cho H2 20.000.000 đồng và đưa trước 14.000.000 đồng còn thiếu 6.000.000 đồng sẽ đưa sau. H2 nói chỉ lấy 10.000.000 đồng thì L đưa thêm 1.000.000 đồng để H2 mua sữa cho con. Sau khi H2 đi về, C và L đưa chị Tr, chị H về nhà L. Đến chiều cùng ngày, chị H gọi điện cho chị ruột là Nguyễn Thị Thu H1 bảo mang quần áo đến cho chị H đi làm ở Quảng Ninh. Khi chị H1 đến nhà trọ của H2 để gặp chị H thì H2 hỏi chị H1 “Có muốn đi làm như Tr, H không?” Chị H1 hỏi lại “Đi làm gì, ở đâu?” thì H2 nói dối là đi bán quần áo thuê cho bà chị ở Quảng Ninh sẽ được trả lương 4.000.000đồng - 5.000.000đồng/01 tháng. Chị H1 đồng ý nên ngày 10/4/2012, H2 đưa chị H1 đến nhà L. Sau đó, L thuê 01 xe ô tô để chở chị Tr, chị H và chị H1 ra bến xe Mỹ

Đình để lên xe khách đi tỉnh Quảng Ninh nhưng bị nhỡ xe nên quay về nhà L. Tối ngày 11/4/2012, L gọi điện cho H2 đến để đi cùng cho chị Tr, chị H và chị H1 yên tâm; đồng thời L yêu cầu C, T và Q đi cùng và căn dặn phải trông giữ cẩn thận, không được để chị H, chị Tr và chị H1 bỏ trốn. Sau đó, L cùng C, T, Q và H2 đưa chị Tr, chị H và chị H1 đến bến xe Mỹ Đình. Tại đây, L gặp người phụ nữ tên là H3 (người miền Nam, chưa xác định được nhân thân) muốn đi Quảng Ninh tìm việc làm nên bảo chị H3 đi làm cho L thì chị H3 đồng ý. Sau đó, L cùng C, T, Q và H2 đón xe taxi đưa các chị Tr, chị H, chị H1 và chị H3 đến bến xe Lương Yên, Hà Nội và lên xe ô tô khách đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sáng ngày 12/4/2012, tất cả đến thành phố Móng Cái thì C và L đưa các chị Tr, chị H, chị H1 và chị H3 lên thuyền vượt biên giới sang Trung Quốc; còn H2 cùng T và Q quay về Hà Nội.

Sau khi qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc, L và C tiếp tục đưa chị Tr, chị H, chị H1 và chị H3 đi vào sâu địa phận tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Thời điểm này, chị Tr, chị H, chị H1 mới biết đã bị lừa bán sang Trung Quốc. Ngay buổi tối ngày đầu tiên, L và C đã ép buộc các chị Tr, chị H và chị H1 phải đi bán dâm cho khách nam giới người Trung Quốc. Một thời gian sau, Nguyễn Mạnh T và Phạm Văn D từ Việt Nam sang Trung Quốc tham gia cùng với L điều hành hoạt động mại dâm. Còn chị H3 đã nhiều tuổi nên ở nhà giúp việc cho L.

Sau thời gian bị bắt làm gái mại dâm tại Trung Quốc, đến khoảng tháng 10/2012 và tháng 12/2013, chị H1 và chị H đã bỏ trốn khỏi sự quản lý của L, trở về Việt Nam và tố cáo hành vi mua bán người của các đối tượng L, H2, C, T và Q. Chị H1 và chị H đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng trên theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Nguyễn Đức C, Nguyễn Thị H2, Phạm Thị L, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn Q về tội mua bán người, khởi tố đối bị can với Phạm Văn D về tội không tố giác tội phạm. Ngày 12/3/2014 và ngày 15/3/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 09 năm tù, bị cáo Nguyễn Đức C

08 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn Q 06 năm tù và bị cáo Nguyễn Mạnh T 10 năm tù về tội Mua bán người. Riêng các bị can Phạm Thị L và Phạm Văn D bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã; quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với L và D.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã xác định ngoài hành vi mua bán chị Nguyễn Thị H, chị Cán Huyền Tr và chị Nguyễn Thị Thu H1 như đã nêu trên, Phạm Thị L còn cùng đồng bọn thực hiện hành vi mua bán người đối với chị Nguyễn Thị Thu H4 (sinh ngày 11/10/19XX, trú tại khu Y, xã Y M, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ) để đưa sang Trung Quốc bán lại cho người khác làm gái mại dâm. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5/2012, do có một chủ chứa mại dâm người Trung Quốc nhờ tìm phụ nữ người Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm mại dâm nên L đã gọi điện thoại cho Dương Như Đ (sinh năm 19XX, trú tại xã T N, huyện Quốc Oai, Hà Nội - là em vợ của Phạm Văn D) tìm thêm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán cho L. Sau đó, Đ nói với Nguyễn Văn L, Trịnh Đình L1 (cùng trú tại xã T N, huyện Quốc Oai, Hà Nội) để tìm phụ nữ bán sang Trung Quốc sẽ được trả tiền công từ 7.000.000 đồng - 10.000.000 đồng/người. Thời gian này, L1 có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Thu H4 nên nảy sinh ý định lừa bán chị H4 cho Đ. Khi được L1 thông báo, Đ bảo L1 đưa chị H4 đến nhà L. Tại đây, L1 nói dối để rủ chị H4 đi chơi với L1 thì được chị H4 đồng ý. L1 đã gọi 01 xe taxi chở L1, Đ, L và chị H4 đi đến nhà Phạm Văn D ở xã Đ L, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Trên đường đi, Đ gọi điện báo Nguyễn Văn Q (là cháu của D) ra đón ở đình Đ G để đưa chị H4 vào nhà D, nhưng D đi vắng không có nhà. Lúc vào nhà D nhóm Đ gặp hai nam thanh niên tên là L2 và Tr1 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đang ở nhà D. Nhóm của Đ ở lại nhà D chơi khoảng 03 ngày thì D về và Đ đã nhờ D gọi điện cho L nói về việc bán chị H4. L đồng ý mua chị H4 nên bảo D đưa tiền đi đường để Q cùng L2 và Tr1 mua vé xe khách đưa chị H4 đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L1 nói dối là đi đến nhà chị gái của L1 ở Lạng Sơn chơi và rủ chị H4 cùng đi. Chị H4 tưởng thật nên đồng ý đi cùng nhóm

của L1. Lúc này, D đã đưa cho Q 2.000.000đồng và bảo Q đi cùng với L1, Tr1 và L2 đưa chị H4 đến thành phố Móng Cái sẽ có người của L đón. Sau đó, Q cùng L1, L2 và Tr1 đưa chị H4 đến bến xe Mỹ Đình rồi đi xe khách đến thành phố Móng Cái. Đến nơi, L2 và Tr1 đã đưa chị H4 vượt biên giới sang Trung Quốc giao cho L. Còn Q và L1 đi xe khách về Hà Nội. Một ngày sau, L1 và L2 đến nhà D để lấy tiền bán chị H4 thì D gọi điện hỏi L là “Đưa cho L1 bao nhiêu tiền”. L bảo D “Đưa cho L1 và L2 3.000.000 đồng”. Do không có đủ tiền nên D đã đưa cho L1 và L2 số tiền 2.800.000đồng.

Sau khi nhận được chị H4, L đã bán chị H4 cho một chủ chứa mại dâm người Trung để bắt chị H4 phải đi bán dâm. Đến ngày 18/01/2014, chị H4 đã bỏ trốn qua đường tiểu ngạch về Việt Nam và làm đơn tố giác hành vi mua bán người của các đối tượng.

Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Phạm Văn D, Nguyễn Văn Q, Dương Như Đ, Trịnh Đình L1, Nguyễn Đức L2 về hành vi mua bán người. Ngày 31/3/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đưa vụ án ra xét xử và xử phạt bị cáo Trịnh Đình L1 08 năm tù, bị cáo Dương Như Đ 08 năm tù, bị cáo Nguyễn Đức L2 07 năm tù và bị cáo Nguyễn Văn Q 08 năm tù về tội mua bán người.

Đối với Phạm Văn D bỏ trốn khỏi nơi cư trú đến ngày 12/3/2016 ra đầu thú. Ngày 20/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử vụ án và tuyên phạt Phạm Văn D 8 năm 10 tháng tù về tội Mua bán người và tội Không tố giác tội phạm.

Đến ngày 26/3/2018, Phạm Thị L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, ngày 05/9/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quốc Oai đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Phạm Thị L về tội Chứa mại dâm. Quá trình điều tra vụ án, L bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, quyết định tạm đình chỉ vụ án, tạm đình

chỉ điều tra bị can đối với L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quốc Oai đã quyết định phục hồi điều tra vụ án và phục hồi điều tra bị can đối với Phạm Thị L về tội Chứa mại dâm. Ngày 14/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Phạm Thị L 36 tháng tù về tội chứa mại dâm.

*** Về dân sự:** Các người bị hại đã được giải quyết bồi thường về dân sự theo quyết định tại Bản án số 93/2014/HSST ngày 12/3/2014 và Bản án số 112/2015/HSST ngày 31/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bản cáo trạng số 371/CT-VKS-P2 ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm a, đ, e, g khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã quy kết; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vai trò của bị cáo trong vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa cùng người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhân thân của bị cáo cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Phạm Thị L về tội “*Mua bán người*”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a, đ, e, g khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Phạm Thị L từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Mua bán người*”; dân sự đã được giải quyết trong các bản án trước nên không xem xét; vật chứng: không có.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị L không có ý kiến gì về tội danh và điều luật truy tố đối với bị cáo. Đề nghị xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ như: tại Cơ quan điều tra và phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải;

sau phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo trình độ văn hóa thấp; hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng chết, con còn nhỏ. Luật sư đề nghị cho bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, những người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối năm 2011, Phạm Thị L sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc làm nghề gọi đầu, Massage và tổ chức hoạt động mại dâm. Khoảng đầu tháng 4 năm 2012, L về Việt Nam bàn bạc với Phạm Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Đức C và Nguyễn Thị H2 tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc cho L tổ chức mại dâm và trả tiền công là 10.000.000 đồng/người phụ nữ. Ngày 10/4/2012, L cùng đồng bọn đã dùng thủ đoạn lừa dối các chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H1 và chị Cán Huyền Tr đi bán quần áo ở Quảng Ninh rồi đưa sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc bắt ép họ làm gái mại dâm. Cũng bằng thủ đoạn nêu trên, khoảng tháng 5/2012, Phạm Thị L cùng với Dương Như Đ, Nguyễn Văn L1, Trịnh Đình L2 và Phạm Văn D đã lừa dối và đưa chị Nguyễn Thị Thu H4 sang Trung Quốc bán cho chủ chứa mại dâm người Trung Quốc làm gái mại dâm. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị L đã phạm vào tội “Mua bán

người”. Hành vi của Phạm Thị L mua bán người hai lần, đối với bốn người, đưa ra nước ngoài và để phục vụ mục đích mai dâm nên thuộc các trường hợp “Vi phạm mục đích mai dâm”; “Để đưa ra nước ngoài”; “Đối với nhiều người” và “Phạm tội nhiều lần”. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm a, đ, e, g khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, để có tiền phục vụ cho bản thân mà các bị cáo đã cấu kết với nhau dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi nhiều lần đưa nhiều người bị hại sang Trung Quốc bán nhằm mục đích mai dâm. Hành vi phạm tội của bị cáo là đáng lên án đã coi thường tính mạng, sức khỏe, nhân cách của người phụ nữ, xâm phạm đến quyền tự do của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án là người cầm đầu, chủ mưu, khởi xướng việc phạm tội và rủ rê đồng bọn thực hiện việc phạm tội, do vậy đối với bị cáo cần phải có một hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu răn đe, đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Tăng nặng đối với bị cáo: Phạm Thị L có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Giảm nhẹ đối với các bị cáo: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự giác đến Cơ quan điều tra đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để tạo điều kiện cho bị cáo được yên tâm cải tạo sớm được

hòa nhập với xã hội, trở thành con người lương thiện.

[5] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HSST ngày 14/9/2018 của TAND huyện Quốc Oai, TP Hà Nội đã xử phạt bị cáo Phạm Thị L 36 tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*” án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù nên cần phải tổng hợp hình phạt của hai bản án để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[6] Về dân sự: Các người bị hại đã được giải quyết bồi thường về dân sự theo quyết định tại Bản án số: 93/2014/HSST ngày 12/3/2014 và Bản án số: 112/2015/HSST ngày 31/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên Tòa không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị L phạm tội “*Mua bán người*”.**

Áp dụng điểm a, đ, e, g khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị L 13 (Mười ba)** năm tù. Tổng hợp hình phạt với **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù tại bản án số 58/2018/HSST ngày 14/9/2018 của TAND huyện Quốc Oai, TP Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **16 (Mười sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày **26/3/2018**.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A Dân sự thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc cảnh